TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 14/03/2024
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Minh Tâm;

Ông Phạm Tấn Tài.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Trần Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 04/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 tranh chấp "Ly hôn, con chung". Do Bản án Hôn nhân Gia đình sơ thẩm số: 152/2023/HNGĐ-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐ-PT ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2000, nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đặng Vũ T **(đúng tên theo căn cước công dân cấp ngày 09/06/2023 cho ông T)**, sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp T, xã B, Huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Ngày 12/12/2023 ông Đặng Vũ T kháng cáo yêu cầu đoàn tụ, bà L không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/9/2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Vũ T được mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào ngày 04/01/2022 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã B, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 20/6/2023 đúng pháp luật, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi, tính tình không hợp dẫn đến mục đích hôn nhân không tồn tại.

Cụ thể, sau khi cưới nhau, đến tháng 03/2022 bà và ông T đi làm công nhân trên Bình Dương, tháng 05/2023 bà về lại nhà mẹ ruột để chuẩn bị sinh con, từ khi sinh cháu T1 bà và con chung về sống tại gia đình nhà chồng, ông T lại không đồng ý cho bà và con về thăm gia đình bên ngoại, sau khi sinh con khoảng 03 tháng, cha ruột bà bệnh ông T không cho bà và con về thăm gia đình bên ngoại, từ đó xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng, nên bà về nhà mẹ ruột ở, cả hai đã ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân ông T với bà không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đặng Chí T2, sinh ngày 10/06/2023 hiện đang sống với ông T tại gia đình bên nội, khi vợ chồng mâu thuẫn bà về nhà mẹ ruột ở là do ông T và gia đình bên chồng ngăn cấm không cho bà đưa con chung về sống chung với bà, bà không bỏ con chung, tiếp đó ông T dùng lời lẽ nhắn tin đe dọa bà, nên bà không thể về thăm con và không dám về thăm con, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, do con bà còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, hiện tại bà cũng có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập ổn định đủ khả năng để trực tiếp nuôi con, nên bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Theo lời khai tại buổi hoà giải ngày 02/11/2023 và trong quá trình tố tụng ông Đặng Vũ T trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày bà L về thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống thì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân khi vợ sinh con thì gia đình bên vợ có thái độ không cho ông, bà nội thăm cháu, sau khi sinh con, bà L về sống bên gia đình của ông, do con còn nhỏ nhưng gia đình bên vợ và bà L lại muốn đưa cháu về bên ngoại ở, nên ông không cho, từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và căng thẳng giữa hai bên gia đình người lớn (gia đình thông gia) với nhau, tiếp đó bà L đã bỏ về nhà mẹ ruột ở đến nay hơn 02 tháng, trong thời gian bà L bỏ đi thì không về thăm nom hay điện thoại hỏi thăm con cái, nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông cũng không muốn níu kéo, ông đồng ý ly hôn với điều kiện ông được quyền nuôi con chung, còn nếu không, thì ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đặng Chí T2, sinh ngày 10/06/2023, nếu khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân Gia đình sơ thẩm số: 152/2023/HNGĐ-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Đặng Vũ T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 cho bà Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Ly phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Vũ T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu; Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ, ngoài ra không kháng cáo các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên, ông T xác định hiện tại ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung tên Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 (không co ai khác nuôi con chung tên Đặng Chí T2), ông không cung cấp chứng cứ mới, không có giải pháp đoàn tụ với bà L, nếu bà L cương quyết ly hôn, ông đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Bà Ly cương quyết ly hôn, vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể chung sống với ông T, đề nghị Tòa phúc thẩm xử y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng trong vụ án thực đúng quyền và nghĩa vụ do Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm đã xem xét toàn diện các chứng cứ trong vụ án, xét về tình cảm, về điều kiện nuôi con chung; tuyên xử cho bà L được ly hôn với ông T, giao con chung cháu Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ, đúng pháp luật, ông T kháng cáo yêu cầu đoàn tụ, bà L cương quyết ly hôn, ông T lại không có giải pháp hợp lý để đoàn tụ, nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của ông T, tuy nhiên (con chung là cháu T2 hiện

đang sống với ông T), án sơ thẩm tuyên giao cháu T2 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng không tuyên buộc ông Tính g cháu T2 cho bà L thì không thể thi hành án.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử; Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Vũ T, sửa án sơ thẩm về cách tuyên, buộc ông Tính g cháu T2 cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho việc thi hành án, xử lý án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án; Kết quả thẩm tra tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa sơ thẩm tuyên án ngày 30/11/2023, ngày 12/12/2023 ông T kháng cáo xin đoàn tụ, đơn kháng trong hạn luật định; ông T nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo hợp lệ. Do đó, nội dung kháng cáo của ông T được xét xử theo trình tự phúc thẩm; Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của ông T thì thấy;

Trong quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải thực sự là tự nguyện của hai bên thì cuộc sống vợ chồng mới hạnh phúc và tồn tại, bà L kết hôn với ông T ngày 04/01/2022 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nhưng cuộc sống hôn nhân không kéo dài, chỉ trong thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn đó là; tháng 05/2023 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên cả hai ly thân nhau, không còn quan hệ gì trong đời sống chung của vợ chồng, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng xuất phát từ việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023, không chỉ mâu thuẫn giữa ông T với bà L, ngay cả gia đình thông gia hai bên cũng mâu thuẫn lớn, tình thông giữa hai gia cũng khá gay gắt trong việc gắn kết mối quan hệ giữa con và cháu với gia đình bên nội và gia đình ngoại với nhau, bà L cương quyết ly hôn với ông T, yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, bà L không đồng ý giao con chung cháu Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 cho ông T.

Nhận thấy, thực tế tình trạng hôn nhân hiện nay của bà L với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cháu T2 lại rất nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của bà L là hợp lý; ông T, gia đình ông T cấm đoán không cho bà L thăm và chăm sóc con chung là trái pháp luật, không phải bà L không chăm sóc con chung hay từ ý bỏ việc nuôi con mà do gia đình ông T ngăn cản, bà L hiện nay có việc làm, thu nhập ổn định (có giấy xác nhận Chủ sử dụng lao động nơi bà L làm việc BL37).

Do đó, Tòa sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xem xét điều kiện nuôi con chung; xử cho bà L được ly hôn với ông T; giao con chung cháu T2 sinh ngày 10/6/2023 cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo nguyện vọng bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông T kháng cáo xin đoàn tụ, bà L thì cương quyết ly hôn, ông T không đưa ra được giải pháp thiết thực để duy trì cuộc sống vợ chồng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin đoàn tụ của ông T, về con chung (ông T, bà L không kháng cáo), tòa sơ thẩm tuyên giao cháu T2 sinh ngày 10/6/2023 cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, cháu T2 sinh ngày 10/6/2023 hiện tại do ông T trực tiếp nuôi dưỡng (không do người khác chăm sóc, nuôi dưỡng như ông T thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm), nhưng án sơ thẩm không tuyên buộc ông Tính giao con chung tên Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 cho bà Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì không thể thi hành án, nên cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên về quan hệ con chung, tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Do đó, xử không chấp nhận kháng cáo của ông T về việc xin đoàn tụ với bà L; Sửa án sơ thẩm về cách tuyên đối với quan hệ con chung, buộc ông Tính giao con chung tên Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 cho bà Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như Kiểm sát viên đề nghị là đúng pháp luật, kháng cáo ông T không được chấp nhận, nhưng do sửa án sơ thẩm về cách tuyên, nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

P xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Vũ T về việc xin đoàn tụ với bà Nguyễn Thị Trúc L

- Sửa Bản án Hôn nhân Gia đình sơ thẩm số: 152/2023/HNGĐ-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang về cách tuyên đối với quan hệ con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Đặng Vũ T.

2. Về con chung:

- Buộc ông Đặng Vũ Tính g1 con chung tên Đặng Chí T2, sinh ngày 10/6/2023 cho bà Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Ly phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm con chung, chăm sóc con chung, bà L không được ngăn cản việc ông T đến thăm con chung, chăm sóc con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Vũ T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

- Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004547 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Vũ T không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, ông T được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do ông T nộp theo biên lai thu số 0004370 ngày 14/12/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại –Tp, HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTN&THA tỉnh AG;
- Chi cục THA Châu Thành;
- UBND xã Bình Thạnh, Châu Thành;
- VP tòa án tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Tuấn